72128.20

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN (BASEL II CAR) THEO THÔNG TƯ 41/2016-NHNN

Cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

72128.20

MỤC LỤC

TỔNG QUAN	1
Tổng quan về thông tư 41 và Basel II	1
Nội dung công bố thông tin	2
HỆ SỐ AN TOÀN VỐN	3
Tóm tắt thông tin các chỉ tiêu công bố chính	3
Phương pháp quản trị và tính toán	3
VỐN TỰ CÓ	4
Cấu trúc vốn tự có	4
Tình hình vốn tự có	5
Phương pháp quản trị và tính toán	5
RỦI RO TÍN DỤNG	6
Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng	6
Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng	6
Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm	7
Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành	8
Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng	8
RỦI RO HOẠT ĐỘNG	9
Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động	9
Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh	9
Công bố thông tin về rủi ro hoạt động	9
RỦI RO THỊ TRƯỜNG	10
Chính sách về quản trị rủi ro thị trường	10
Công bố thông tin về rủi ro thị trường	10
THÔNG TIN CHUNG	12
Giới thiệu về VIB	12
Quản trị rủi ro và lộ trình triển khai Basel II tại VIB	12
Phương pháp công bố thông tin và cam kết của ban lãnh đạo	14

72128.20

TỔNG QUAN

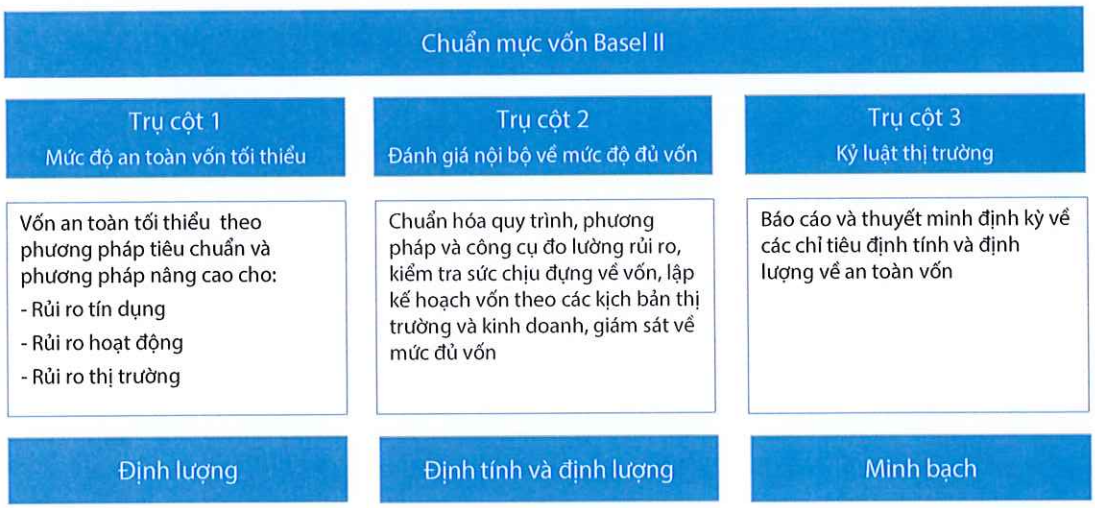
1. Tổng quan về thông tư 41 và Basel II

Áp dụng tiêu chuẩn Basel II là một yêu cầu cấp thiết cho các ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm đảm bảo tính an toàn của hoạt động ngân hàng và tạo ra sự phòng vệ trước những rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động. Tháng 12 năm 2016, Thông tư 41/2016/TT-NHNN được chính thức ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đưa hệ thống ngân hàng Việt Nam tiến gần hơn với các tiêu chuẩn quốc tế.

Thông tư 41 quy định về phần lớn nội dung của hai trong ba trụ cột Basel II: Hệ số an toàn vốn (CAR) và Công bố thông tin (Disclosure of information). Phần lớn thông tư cung cấp cho các ngân hàng hướng dẫn rõ ràng và rất cụ thể về cách tính CAR, ở đó rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường đều được cân nhắc tới. Bên cạnh đưa ra các quy định và hướng dẫn, Thông tư 41 cũng phần nào thúc đẩy các ngân hàng tìm ra những chiến lược và mục tiêu kinh doanh ít rủi ro hơn, cũng như dành ưu tiên cho những khoản vay đủ điều kiện áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Để tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về triển khai Chuẩn mực vốn Basel II tại Việt Nam, tháng 5 năm 2018, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ đối của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó có cấu phần quy định về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn ICAAP thuộc trụ cột 2 của Basel II.

Biểu 1: Chuẩn mực vốn Basel II được quy định theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 13/2018/TT-NHNN



Có thể thấy, với việc ban hành Thông tư 41 năm 2016 và Thông tư 13 năm 2018, NHNN đã hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để triển khai Chuẩn mực vốn Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn với đầy đủ cả 3 trụ cột, đồng thời đưa ra lộ trình phù hợp để thực hiện các mục tiêu về áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế mà Chính phủ và Quốc hội đề ra.

72128.20

2. Nội dung công bố thông tin

Thực hiện nội dung quy định Thông tư 41, VIB thực hiện công bố thông tin chi tiết tỷ lệ an toàn vốn tại điều 20 – Thông tư 41, tối thiểu 6 tháng/lần theo năm tài chính dựa trên các nội dung quy định tại Phụ lục 5 –Thông tư này và các nội dung VIB chủ động công bố khác không theo quy định.

Phạm vi tính toán

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được tính trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con. Tại thời điểm 30/06/2020, Ngân hàng VIB có một công ty con sở hữu trực tiếp là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (viết tắt VIB AMC) và không phát sinh các khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

72128.20

HỆ SỐ AN TOÀN VỐN

1. Tóm tắt thông tin các chỉ tiêu công bố chính

Biểu 2: Hệ số an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất của VIB ngày 30/06/2020 theo Thông tư 41

(Đvt: tỷ đồng, %)

Tên chỉ tiêu	Giá trị	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
Vốn tự có	16.511	16.534
Tổng tài sản có rủi ro	170.789	170.711
Rủi ro tín dụng	154.653	154.487
Rủi ro tín dụng đối tác	429	429
Rủi ro hoạt động	15.546	15.635
Rủi ro thị trường	161	161
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	8,90%	8,91%
Tỷ lệ an toàn vốn	9,67%	9,69%

2. Phương pháp quản trị và tính toán

Tỷ lệ an toàn vốn (**CAR**) tính theo đơn vị phần trăm (%) được xác định bằng công thức:

$$CAR = \frac{C}{RWA + 12{,}5(K_{OR} + K_{MR})} \times 100\%$$

Trong đó:

- **C**: Vốn tự có;

- **RWA**: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng;

- **K_{OR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động;

- **K_{MR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường.

VIB đã ban hành quy định Quản trị tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Thông tư 41 nhằm đưa ra nguyên tắc, mô hình quản trị tỷ lệ, các yêu cầu về hệ thống công nghệ thông tin và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác đo lường, giám sát và báo cáo tỷ lệ an toàn vốn.

Hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn của VIB đã được tự động hóa dựa trên nền tảng dữ liệu các hệ thống lõi của ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Tỷ lệ an toàn vốn được định kỳ giám sát, dự báo và báo cáo Ban Điều hành, các Hội đồng nhằm kiểm soát hoạt động kinh doanh, đảm bảo tỷ lệ CAR tuân thủ khẩu vị rủi ro và các hạn mức đã được phê duyệt.

72128.20

VỐN TỰ CÓ

1. Cấu trúc vốn tự có

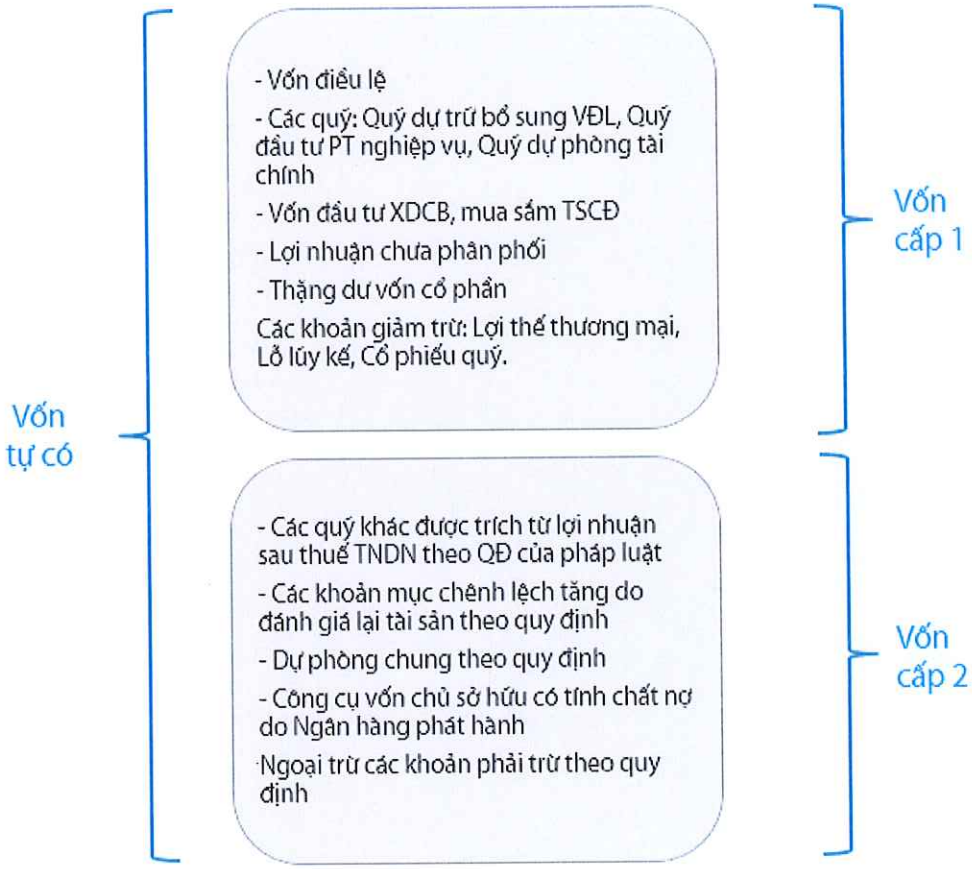
Nội dung định tính

Công cụ vốn chủ sở hữu của VIB tại thời điểm 30/06/2020 bao gồm cổ phiếu thường và cổ phiếu quỹ. Ngân hàng chưa phát sinh các công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ như cổ phiếu ưu đãi cổ tức và các công cụ vốn chủ sở hữu khác đáp ứng theo điều kiện Thông tư 41.

Nội dung định lượng

Cấu trúc vốn tự có: gồm 2 cấu phần theo thông tư 41/2016-NHNN

Biểu 3: Cấu trúc vốn tự có của VIB



2. Tình hình vốn tự có

Vốn tự có hợp nhất tăng qua các quý của 2020 chủ yếu nhờ lợi nhuận để lại trong cấu phần vốn cấp 1.

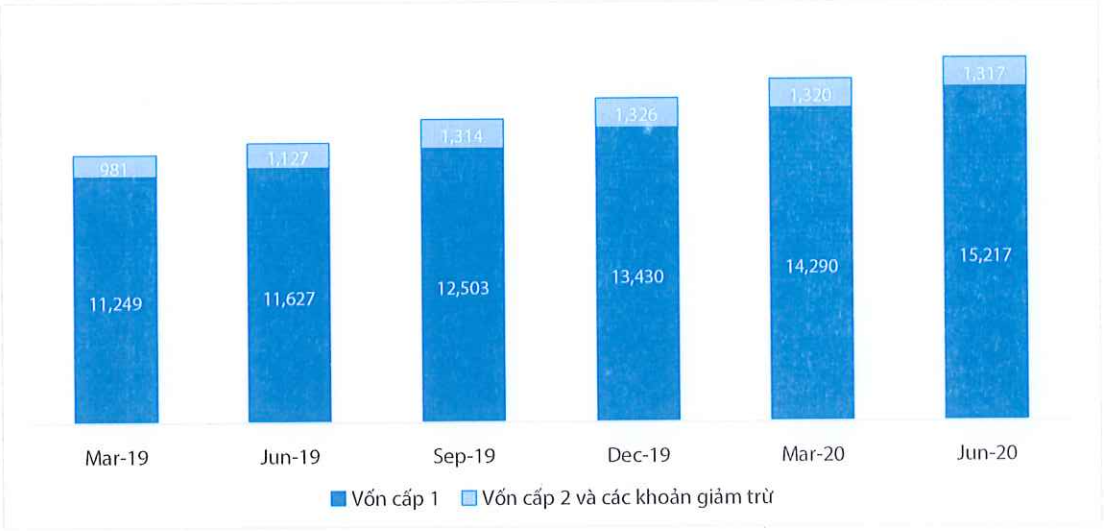
72128.20

Biểu 4: Vốn tự có riêng lẻ và hợp nhất của VIB tại ngày 30/06/2020

(Đvt: tỷ đồng)

Tên chỉ tiêu	Giá trị	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
Vốn tự có	16.511	16.534
Vốn cấp 1	15.193	15.217
Vốn cấp 2 và các khoản giảm trừ	1.317	1.317

Biểu 5: Tình hình biến động vốn tự có hợp nhất qua các quý



3. Phương pháp quản trị và tính toán

Vốn tự có bao gồm tổng Vốn cấp 1 và cấp 2 trừ đi các khoản giảm trừ quy định tại Phụ Lục 1 Thông tư 41. Vốn tự có được thường xuyên giám sát và quản lý bởi Hội đồng Vốn, trong đó các phương án tăng vốn được đưa ra phù hợp với khả năng tăng trưởng tài sản và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động của ngân hàng.

VIB đã lập các phương án tăng vốn khác nhau nhằm phù hợp với khả năng tăng trưởng tài sản của Ngân hàng dưới sự cho phép của Ngân hàng Nhà nước. VIB đã và đang xây dựng và triển khai các kế hoạch nhằm tăng vốn tự có, đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật và chuẩn mực quốc tế thông qua các giải pháp:

- Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thưởng trích từ lợi nhuận giữ lại và các quỹ;
- Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông hiện hữu và cổ đông mới;
- Tăng vốn cấp 2 từ việc phát hành trái phiếu;

Để đảm bảo công tác quản trị vốn hiệu quả và an toàn, VIB thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn tối thiểu (ICAAP) cho 3 năm tiếp theo. Công tác này được thực hiện định kỳ tối thiểu 6 tháng/ lần nhằm đảm bảo mức đủ vốn duy trì tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi, làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh của ngân hàng.

72128.20

RỦI RO TÍN DỤNG

1. Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng

VIB xây dựng chiến lược và khẩu vị rủi ro tín dụng trong 3 năm liên tiếp, thực hiện rà soát định kỳ 6 tháng/ lần. Theo đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định các hạn mức tối đa theo khẩu vị rủi ro của VIB. Tổng Giám đốc (TGĐ) sẽ quy định các hạn mức cụ thể theo từng chính sách và các sản phẩm đặc thù, các hạn mức này sẽ được kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.

VIB áp dụng mô hình phê duyệt tín dụng như sau:

Đối với Khối Ngân hàng bán lẻ (NHBL): VIB giao hạn mức thẩm quyền phê duyệt với hạn mức thấp và các sản phẩm ít rủi ro cho các cá nhân thuộc Khối NHBL. Mức thẩm quyền này sẽ được giám sát thường xuyên, tối thiểu 6 tháng/ lần, thông qua bộ tiêu chí chấm điểm thẩm quyền phê duyệt tín dụng. Với các mức thẩm quyền cao hơn, sẽ được phê duyệt từ Khối Quản trị rủi ro (QTRR) trở lên.

Đối với Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN): VIB cấp hạn mức thẩm quyền phê duyệt cho 1 số cá nhân tại Khối KHDN cho 1 số sản phẩm đặc thù có chọn lọc. Ngoài hạn mức thẩm quyền này, VIB thực hiện phê duyệt tập trung từ Khối QTRR trở lên.

Để quản lý chất lượng tài sản đảm bảo (TSĐB), VIB hầu hết sử dụng dịch vụ định giá của bên thứ ba để thực hiện định giá TSBĐ và chỉ giao thẩm quyền định giá cho đơn vị kinh doanh với tài sản ít rủi ro và hạn mức thấp. Ngân hàng cũng từng bước tiếp tục tập trung hóa công tác định giá cho bên thứ ba và VIB AMC.

Việc kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện qua việc nhận diện sớm, kiểm soát, xử lý, kếp hợp với các công cụ phân tích dữ liệu hệ thống. Các chốt kiểm soát, vùng rủi ro nhận dạng được sẽ qua các phòng chức năng để đo lường, đánh giá, xử lý sớm cũng như phân tích nguyên nhân phát sinh để có các giải pháp giảm thiểu, ngăn ngừa phát sinh từ góc độ hệ thống, quy trình, chính sách.

Ngoài ra, VIB đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các mô hình rủi ro tín dụng để đáp ứng cho nhu cầu phát triển cho vay bán lẻ. Các báo cáo quản trị phân tích danh mục đang từng bước hoàn thiện. Từ đó, VIB sẽ chọn lựa được các phân khúc khách hàng tốt, độ rủi ro thấp nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng phát triển và mở rộng của Khối NHBL.

2. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng

Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng, trong đó chia theo đối tượng có hệ số rủi ro theo quy định tại Điều 9 Thông tư 41.

Biểu 6: Tài sản có rủi ro tín dụng

(Đvt: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Giá trị
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	154.487
Khoản phải đòi Chính Phủ	14
Khoản phải đòi Định chế tài chính	25.277
Khoản phải đòi Doanh nghiệp	34.071
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	4.344
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	9.558
Khoản phải đòi Bán lẻ	74.296
Nợ xấu	5.016
Các loại tài sản khác	1.913

Biểu 7: Tài sản có rủi ro tín dụng đối tác

(Đvt: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Giá trị
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	429
Giao dịch tự doanh	336
Giao dịch repo và giao dịch reverse repo	0
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	93
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ	1

3. Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm độc lập

Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn bao gồm: Moody's, Standard & Poor, Fitch Rating.

Các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm của các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được lựa chọn như sau:

Biểu 8: Tài sản có rủi ro tín dụng tính theo xếp hạng tín nhiệm

(Đvt: tỷ đồng)

Khoản phải đòi	Thang tín nhiệm	HSRR	Giá trị
Khoản phải đòi Chính phủ, NH TW các nước, tổ chức công lập của chính phủ, chính quyền địa phương các nước			
	AAA, AA+, AA, AA-	0%	-
	A+, A, A-	20%	-
	BBB+, BBB, BBB-	50%	-
	BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-
	Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	-

72128.20

Khoản phải đòi	Thang tín nhiệm	HSRR	Giá trị
Khoản phải đòi Tổ chức tài chính nước ngoài, chi nhánh NH nước ngoài tại VN			
	AAA, AA+, AA, AA-	20%	163
	A+, A, A-	50%	229
	BBB+, BBB, BBB-	50%	
	BB+, BB,BB-, B+, B, B-	100%	
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	
Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên)			
	AAA, AA+, AA, AA-	20%	-
	A+, A, A-	50%	-
	BBB+, BBB, BBB-	50%	-
	BB+, BB,BB-	80%	2.180
	B+, B, B-	100%	16.528
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	3.338
Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu dưới 3 tháng)			
	AAA, AA+, AA, AA-	10%	-
	A+, A, A-	20%	-
	BBB+, BBB, BBB-	20%	-
	BB+, BB,BB-	40%	508
	B+, B, B-	50%	1.448
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	70%	883

4. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành

Biểu 9: Tài sản có rủi ro tín dụng tính theo ngành

(Đvt: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Giá trị
Tài sản có rủi ro tín dụng	152.574
Nông nghiệp và lâm nghiệp	1.424
Thương mại, sản xuất và chế biến	22.567
Xây dựng	1.618
Kho bãi, vận tải và thông tin liên lạc	1,265
Cá nhân và các ngành nghề khác	125.700

72128.20

5. Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng

Tài sản có rủi ro tín dụng (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng) được giảm thiểu rủi ro tín dụng theo các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng quy định tại Điều 11 Thông tư 41.

Biểu 10: Tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

(Đvt: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Giá trị trước giảm thiểu	Giá trị sau giảm thiểu
Tài sản có rủi ro tín dụng	154.135	152.574
Giảm thiểu bằng tài sản đảm bảo	1.795	303
Giảm thiểu bằng bù trừ nội bảng	70	1
Giảm thiểu bằng bảo lãnh của bên thứ 3	-	
Giảm thiểu bằng phái sinh tín dụng	-	
Không áp dụng các biện pháp giảm thiểu	152.270	152.270

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

1. Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động

Với chính sách quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro, quy định hạn mức và quy định quản lý RRHĐ đã được ban hành, tuân thủ theo quy định của NHNN, Các Khối/ Ban tại VIB đã triển khai và thực hiện nhất quán theo đúng quy định. Trong đó quy định quản lý rủi ro hoạt động xây dựng trên mô hình 3 tuyến bảo vệ cùng với các công cụ đo lường, phương án kiểm soát, cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro hoạt động đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Cơ chế trao đổi thông tin được thiết lập và vận hành một cách hiệu quả giữa 3 tuyến bảo vệ giúp các sự cố rủi ro hoạt động được cập nhật liên tục và phân tích để đưa ra các chốt chặn kiểm soát, các phương án khắc phục kịp thời giảm thiểu tối đa các rủi ro xảy ra. Tổn thất rủi ro hoạt động bao gồm cả tổn thất tài chính và phi tài chính được giám sát thường xuyên đảm bảo không vượt quá giới hạn cũng như hạn mức đã ban hành.

2. Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh

Việc xây dựng và kiểm thử kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (BCP) cho ngân hàng được thực hiện đầy đủ, bao gồm các phòng/ ban hội sở chính và các chi nhánh/ phòng giao dịch, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh luôn được liên tục trước các tình huống gián đoạn và đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, đặc biệt kế hoạch đã được triển khai thành công để ứng phó với dịch bệnh Covid 19 vừa qua.

72128.20

3. Công bố thông tin về rủi ro hoạt động

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động được xác định trên 15% chỉ số kinh doanh trung bình của 3 quý (quý gần nhất và quý tương ứng của 2 năm liền kề trước năm tính toán). Chỉ số kinh doanh được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 41.

Biểu 11: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động tại thời điểm 30/06/2020

(Đvt: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Giá trị
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	1.251
Chỉ số BI - Quý 3 năm 2019	11.065
Chỉ số BI - Quý 3 năm 2018	8.283
Chỉ số BI - Quý 3 năm 2017	5.668

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

1. Chính sách về quản lý rủi ro thị trường

Chính sách quản lý rủi ro thị trường được xây dựng cho từng thời kỳ từ 3-5 năm, đảm bảo phù hợp với môi trường và chiến lược kinh doanh của VIB. Chính sách bao gồm khẩu vị rủi ro thị trường đối với từng loại rủi ro trọng yếu và chiến lược quản trị rủi ro thị trường, trong đó đưa ra các nguyên tắc quản trị rủi ro thị trường, nguyên tắc phòng ngừa và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về rủi ro thị trường.

Các hạn mức nội bộ về rủi ro thị trường được giám sát và phê duyệt điều chỉnh thường xuyên bởi Hội đồng Rủi ro. Quan điểm thận trọng và luôn đảm bảo các chỉ số về rủi ro thị trường tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, đối tác và các hạn mức nội bộ ở mức an toàn và hiệu quả.

Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh được Khối nguồn vốn-ngoại hối xây dựng và thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro của HĐQT và diễn biến của thị trường nhằm thu lợi nhuận từ biến động về tỷ giá, lãi suất hoặc thu chênh lệch giá từ các thị trường và khách hàng khác nhau. Thực hiện chiến lược tự doanh cũng góp phần gia tăng thị phần kinh doanh, nâng cao uy tín của VIB trên thị trường cũng như kết hợp bán chéo các sản phẩm khác.

Chiến lược tự doanh của VIB được xây dựng theo hướng đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN, giảm thiểu rủi ro tối đa cho ngân hàng. Do vậy các hạn mức tự doanh thông thường được thiết lập linh hoạt theo dự báo xu hướng biến động của thị trường cũng như định hướng ưu tiên của ngân hàng theo từng thời kỳ, tuy nhiên luôn chặt chẽ hơn mức quy định của NHNN.

Danh mục thuộc sổ kinh doanh

Danh mục thuộc sổ kinh doanh tại thời điểm 30/06/2020: toàn bộ danh mục kinh doanh ngoại hối của ngân hàng bao gồm trạng thái giao dịch ngoại tệ giao ngay, giao dịch ngoại tệ kỳ hạn và danh mục kinh doanh hoán đổi ngoại hối.

72128.20

2. Công bố thông tin về rủi ro thị trường

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường bao gồm vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối. VIB không thực hiện các hoạt động kinh doanh cổ phiếu, hàng hóa và giao dịch quyền chọn nên không phát sinh vốn yêu cầu cho các rủi ro này.

Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất được xác định dựa trên vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất cụ thể phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố liên quan đến từng nhà phát hành và vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất chung phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố lãi suất thị trường, được tính toán theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 41.

Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối, theo quy định tại Thông tư 41, chỉ áp dụng đối với trường hợp tổng trạng giá trị trạng thái ngoại hối ròng (bao gồm cả vàng) lớn hơn 2% vốn tự có của ngân hàng. Tại thời điểm 30/06/2020, tổng giá trị trạng thái ngoại hối ròng tại VIB nhỏ hơn 2% vốn tự có, do vậy Ngân hàng không phải tính vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối.

Biểu 12: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường tại thời điểm 30/06/2020

(Đvt: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Giá trị
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	13
Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	13
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	-

72128.20

THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về VIB

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, tên viết tắt là Ngân hàng Quốc Tế (VIB) được thành lập ngày 18 tháng 9 năm 1996, hiện trụ sở của Ngân hàng ở địa chỉ Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30/06/2020, sau 23 năm hoạt động, VIB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với vốn chủ sở hữu đạt trên 15.200 tỷ đồng. VIB hiện có trên 7.400 cán bộ nhân viên phục vụ khách hàng tại 163 chi nhánh và phòng giao dịch tại các tỉnh/ thành phố trọng điểm trong cả nước.

VIB có cơ cấu điều hành lành mạnh và áp dụng các chuẩn mực về quản lý rủi ro, là Ngân hàng tư nhân đầu tiên hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II ở Việt Nam, và là 1 trong 5 ngân hàng đầu tiên ở Việt Nam không còn dư nợ trái phiếu VAMC.

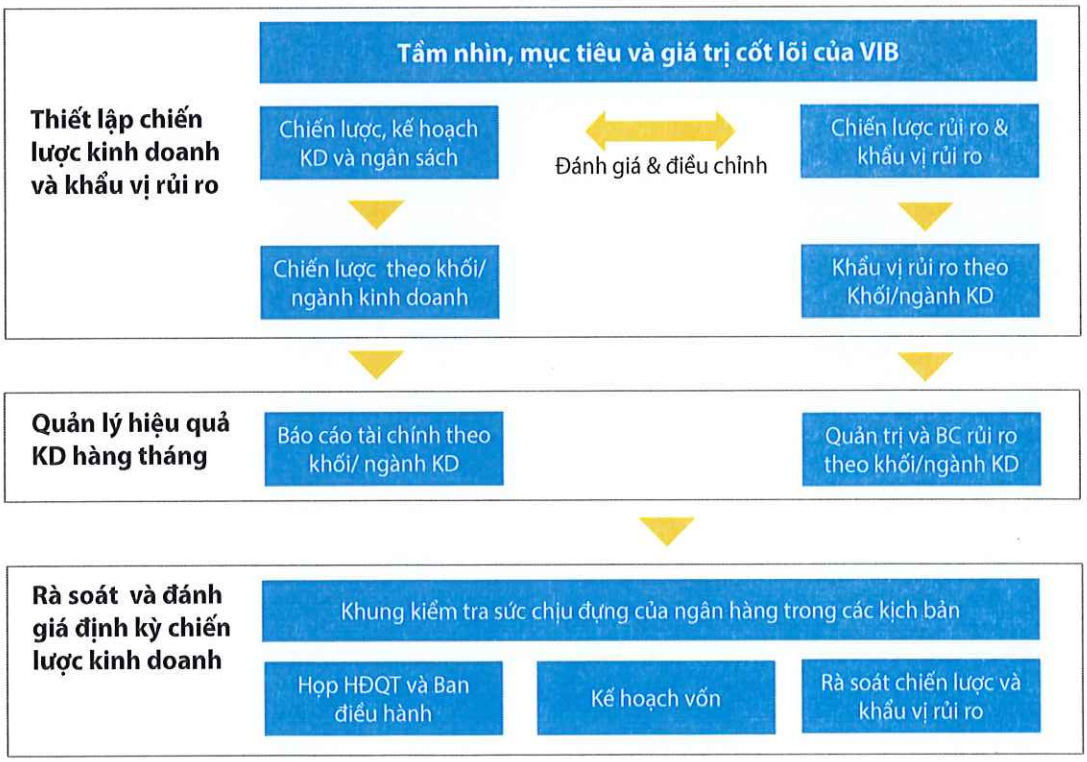
VIB có thị phần số 1 cho vay mua ô tô kể từ năm 2017; Số 1 về tăng trưởng cho vay bán lẻ; Số 1 về chi tiêu thẻ tại Việt Nam năm 2019 theo ghi nhận của Mastercard; và số 1 về doanh số Banca toàn quốc.

2. Quản trị rủi ro và lộ trình triển khai Basel II tại VIB

Chiến lược và khẩu vị rủi ro

VIB xây dựng chiến lược và khẩu vị rủi ro để quản trị rủi ro cho 3 năm liên tiếp, thực hiện rà soát định kỳ 3-6 tháng/ lần. Theo đó, Hội đồng quản trị quy định các hạn mức tối đa theo khẩu vị rủi ro của VIB. Tổng Giám đốc sẽ quy định các hạn mức cụ thể theo từng chính sách và các sản phẩm đặc thù, các hạn mức này sẽ được kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.

Biểu 13: Chiến lược và khẩu vị rủi ro tại VIB



72128.20

VIB xây dựng chiến lược và khẩu vị rủi ro cho tất cả các rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng. Trong đó chiến lược chú trọng đưa ra mức độ trạng thái rủi ro phải thực hiện phòng ngừa, các nguyên tắc quản lý rủi ro và nguyên tắc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro. Khẩu vị rủi ro quy định chi tiết về tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu, các chỉ tiêu về thu nhập, các giới hạn đối với từng loại rủi ro của ngân hàng. Đối với rủi ro tín dụng, rủi ro trọng yếu nhất của ngân hàng, VIB quy định cụ thế chiến lược và khẩu vị rủi ro tín dụng theo từng Khối kinh doanh, chi tiết định hướng những ngành nghề ưu tiên/ hạn chế và các giới hạn cấp tín dụng theo sản phẩm vay, khách hàng hoặc nhóm khách hàng và theo loại hình tài sản đảm bảo.

Tình hình thực hiện 3 trụ cột của Basel II

VIB đã hoàn thành trụ cột 1 – Tỷ lệ an toàn vốn và trụ cột 3 – Công bố thông tin theo yêu cầu của Thông tư 41/2016/TT-NHNN từ năm 2018, là 1 trong 2 ngân hàng thương mại đầu tiên được NHNN cho phép áp dụng sớm hơn 1 năm so với ngày hiệu lực (từ 1/1/2019). Trong năm 2019, VIB đã tập trung hoàn thành nội dung chính của trụ cột 2 của Basel II - Đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) với sự hỗ trợ tư vấn của PricewaterhouseCoopers (PWC). Tháng 12/2019, VIB là ngân hàng đầu tiên công bố hoàn thành cả ba trụ cột của Basel II và thực hiện triển khai đánh giá ICAAP sớm hơn 1 năm so với thời hạn yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

Ngân hàng đã phối hợp với công ty tư vấn uy tín (PwC) để nghiên cứu các mô hình và phương pháp tính toán ICAAP đã triển khai tại các ngân hàng có quy mô tương tự trong khu vực Đông Nam Á, từ đó áp dụng xây dựng quy trình và hoàn thiện phương pháp đánh giá nội bộ về mức đủ vốn phù hợp với ngân hàng.

VIB đã tập trung nhận diện các hoạt động trọng yếu thông qua các nguyên tắc định lượng dựa trên các chỉ số tài chính (lợi nhuận trước thuế, tổng thu nhập hoạt động, tổng chi phí hoạt động, tổng tài sản hoặc nợ phải trả) và các nguyên tắc định tính liên quan đến chiến lược kinh doanh, khẩu vị rủi ro và các chính sách hạn chế kinh doanh của ngân hàng.

Đồng thời, VIB cũng thực hiện xác định rõ các loại rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác phát sinh từ hoạt động trọng yếu của VIB. Đánh giá tác động của rủi ro trọng yếu theo các tiêu chí tài chính và phi tài chính, đồng thời đánh giá hiệu quả của việc kiểm soát rủi ro để xác định rủi ro còn tồn tại của Ngân hàng để làm nền tảng đầy đủ cho công tác quản trị ngân hàng và thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.

Sau khi xác định được các rủi ro trọng yếu, VIB thực hiện quy trình đánh giá mức độ đủ vốn nội bộ bao gồm 6 bước:

- Kiểm tra sức chịu đựng về vốn
- Xác định vốn mục tiêu, vốn tự có
- Lập kế hoạch vốn
- Giám sát để quản lý vốn mục tiêu và điều chỉnh kế hoạch vốn
- Rà soát quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn
- Phân bổ vốn và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh

Các dự án hoàn thành đã góp phần nâng cao năng lực quản trị vốn và lập kế hoạch, giúp ngân hàng chủ động ứng phó với các tình huống bất lợi trong quá trình kinh doanh. Việc này không chỉ có ý nghĩa tuân thủ quy định của NHNN, mà còn là một hành trình mang lại lợi thế chiến lược và thay đổi phương pháp quản trị nội bộ của VIB.

72128.20

Hiện tại, VIB tiếp tục triển khai dự án đầu tư hệ thống khởi tạo khoản vay (LOS) và dự án lưu trữ dữ liệu (Datamart) nhằm củng cố nền tảng dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu đầu vào và dự án xây dựng mô hình rủi ro tín dụng nhằm tính toán vốn nội bộ theo phương pháp nâng cao của Basel. VIB cũng đặt mục tiêu áp dụng phương pháp tính toán xếp hạng tín dụng nội bộ cơ bản (Basel II FIRB) , tiếp đó là phương pháp tính toán xếp hạng tín dụng nội bộ nâng cao (Basel II AIRB) trong các năm tới.

Biểu 14 : Tình hình thực hiện các trụ cột Basel II tại VIB

Trụ cột	Hạng mục	NHNN yêu cầu	VIB đáp ứng
Trụ cột 1	Thời gian hoàn thành	01/01/2020	01/01/2019
	CAR tối thiểu	8,0%	9,69%
	Sửa đổi ban hành chính sách liên quan	Yêu cầu	Đáp ứng
	Công cụ đo lường CAR chính xác	Yêu cầu	Đáp ứng
Trụ cột 2	Thời gian hoàn thành	01/01/2021	01/12/2019
	Quy trình đánh giá mức đủ vốn nội bộ	Yêu cầu	Đáp ứng
Trụ cột 3	Thời gian hoàn thành	01.01.2020	01.01.2019
	Công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn	Yêu cầu	Đáp ứng

3. Phương pháp công bố thông tin và cam kết của ban lãnh đạo

Phương pháp công bố thông tin

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn của VIB và được đăng tải 6 tháng một lần (theo quy định) hoặc sớm hơn, tại website của ngân hàng.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của VIB tại đường dẫn:

https://vib.com.vn/wps/portal/about/shareholder/shareholder-info

Cam kết của ban lãnh đạo về công bố thông tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trong báo cáo này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tổng Giám Đốc

M.S.D.N: 0100233486 C.T.C.P NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM QUẬN 1-TP. HỒ CHÍ MINH

Hàn Ngọc Vũ